

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Khi lựa chọn địa điểm để đầu tư ở nước ngoài, chủ đầu tư sẽ phải cân nhắc đến các điều kiện sản xuất, kinh doanh ở địa điểm đó xem có thuận lợi hay không nghĩa là cân nhắc đến các yếu tố có liên quan đến lợi thế địa điểm của nước nhận đầu tư. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi thế địa điểm của các nước nhận đầu tư được đề cập đến trong khái niệm “*Môi trường đầu tư*”.

Môi trường đầu tư là tổng hoà các yếu tố về pháp luật, kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội và các yếu tố cơ sở hạ tầng, năng lực thị trường, lợi thế của một quốc gia có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đầu tư vào quốc gia đó.

Theo Hội nghị của Liên hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), các yếu tố quyết định FDI của nước tiếp nhận đầu tư được chia thành 3 nhóm sau:

Thứ nhất là khung chính sách về FDI của nước nhận đầu tư gồm các qui định liên quan trực tiếp đến FDI và các qui định có ảnh hưởng gián tiếp đến FDI.

Các qui định của luật pháp và chính sách liên quan trực tiếp FDI bao gồm các qui định về việc thành lập và hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài (cho phép, hạn chế, cấm đầu tư vào một số ngành, lĩnh vực; cho phép tự do hay hạn chế quyền sở hữu của các chủ đầu tư nước ngoài đối với các dự án; cho phép tự do hoạt động hay áp đặt một số điều kiện hoạt động; có hay không các ưu đãi nhằm khuyến khích FDI; ...), các tiêu chuẩn đối xử đối với FDI (phân biệt hay không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư có quốc tịch khác nhau, ...) và cơ chế hoạt động của thị trường trong đó có sự tham gia của thành phần kinh tế có vốn ĐTNN (cạnh tranh có bình đẳng hay không; có hiện tượng độc quyền không; thông tin trên thị trường có rõ ràng, minh bạch không; ...). Các qui định này ảnh hưởng trực tiếp đến khối lượng và kết quả của hoạt động FDI. Các qui định thông thoáng, có nhiều ưu đãi,

không có hoặc ít có các rào cản, hạn chế hoạt động FDI sẽ góp phần tăng cường thu hút FDI vào và tạo thuận lợi cho các dự án FDI trong quá trình hoạt động. Ngược lại, hành lang pháp lý và cơ chế chính sách có nhiều qui định mang tính chất hạn chế và ràng buộc đối với FDI sẽ khiến cho FDI không vào được hoặc các chủ đầu tư không muốn đầu tư. Các qui định của luật pháp và chính sách sẽ được điều chỉnh tùy theo định hướng, mục tiêu phát triển của từng quốc gia trong từng thời kỳ, thậm chí có tính đến cả các qui hoạch về ngành và vùng lãnh thổ.

Bên cạnh đó, một số các qui định, chính sách trong một số ngành, lĩnh vực khác cũng có ảnh hưởng đến quyết định của chủ đầu tư như:

- Chính sách thương mại có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư vì FDI gắn với sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Ví dụ các nước theo đuổi chiến lược phát triển sản xuất trong nước để thay thế nhập khẩu sẽ thu hút được nhiều FDI vào sản xuất các hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước nhưng sau đó một thời gian khi thị trường đã bão hòa nếu nước đó không thay đổi chính sách thì sẽ không hấp dẫn được FDI.
- Chính sách tư nhân hóa liên quan đến việc cổ phần hóa, bán lại các công ty. Những nước cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào quá trình tư nhân hóa sẽ tạo cho các nhà đầu tư nước ngoài nhiều cơ hội, nhiều sự lựa chọn hơn trước khi quyết định đầu tư.
- Chính sách tiền tệ và chính sách thuế có ảnh hưởng quan trọng đến sự ổn định của nền kinh tế. Các chính sách này ảnh hưởng đến tốc độ lạm phát, khả năng cân bằng ngân sách của nhà nước, lãi suất trên thị trường. Như vậy các chính sách này ảnh hưởng rất nhiều đến quyết định đầu tư. Các chủ đầu tư đều muốn đầu tư vào các thị trường có tỷ lệ lạm phát thấp. Lãi suất trên thị trường nước nhận đầu tư sẽ ảnh hưởng đến chi phí vốn, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của các chủ đầu tư nước ngoài. Chính sách thuế của nước nhận đầu tư cũng thu hút được sự quan tâm rất lớn của các chủ đầu tư. Thuế thu nhập doanh nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận

của các dự án FDI. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế tiêu thụ đặc biệt, ... ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm. Nhìn chung các chủ đầu tư đều tìm cách đầu tư ở những nước có các loại thuế thấp.

- Chính sách tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến giá các tài sản ở nước nhận đầu tư, giá trị các khoản lợi nhuận các chủ đầu tư thu được và năng lực cạnh tranh của các hàng hóa xuất khẩu của các chi nhánh nước ngoài. Một nước theo đuổi chính sách đồng tiền quốc gia yếu sẽ có lợi trong việc thu hút ĐTNN và xuất khẩu hàng hóa. Chính vì vậy chính sách này ảnh hưởng đến FDI.
- Chính sách liên quan đến cơ cấu các ngành kinh tế và các vùng lãnh thổ (khuyến khích phát triển ngành nào, vùng nào; ngành nào đã bão hòa rồi; ngành nào, vùng nào không cần khuyến khích, ...)
- Chính sách lao động: có hạn chế hay không hạn chế sử dụng lao động nước ngoài; ưu tiên hay không ưu tiên cho lao động trong nước,
- Chính sách giáo dục, đào tạo, chính sách y tế, ... ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lao động cung cấp cho các dự án FDI.
- Các qui định trong các hiệp định quốc tế mà nước nhận đầu tư tham gia ký kết. Ngày nay, các qui định này thường tạo thuận lợi cho FDI vì nó bảo vệ quyền lợi cho các nhà đầu tư, hướng tới không phân biệt các chủ đầu tư theo quốc tịch, ...

Nhìn chung các chủ đầu tư nước ngoài thích đầu tư vào những nước có hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách đầy đủ, đồng bộ, thông thoáng, minh bạch và có thể dự đoán được. Điều này đảm bảo cho sự an toàn của vốn đầu tư.

Thứ hai là các yếu tố của môi trường kinh tế. Nhiều nhà kinh tế cho rằng các yếu tố kinh tế của nước nhận đầu tư là những yếu tố có ảnh hưởng quyết định trong thu hút FDI. Tùy động cơ của chủ đầu tư nước ngoài mà có thể có các yếu tố sau của môi trường kinh tế ảnh hưởng đến dòng vốn FDI:

- *Các chủ đầu tư có động cơ tìm kiếm thị trường* sẽ quan tâm đến các yếu tố như dung lượng thị trường và thu nhập bình quân đầu người; tốc độ tăng trưởng của thị trường; khả năng tiếp cận thị trường khu vực và thế giới; các sở thích đặc biệt của người tiêu dùng ở nước nhận đầu tư và cơ cấu thị trường.
- *Các chủ đầu tư tìm kiếm nguồn nguyên liệu và tài sản* sẽ quan tâm đến tài nguyên thiên nhiên; lao động chưa qua đào tạo với giá rẻ; lao động có tay nghề; công nghệ, phát minh, sáng chế và các tài sản do doanh nghiệp sáng tạo ra (thương hiệu, ...); cơ sở hạ tầng phần cứng (cảng, đường bộ, hệ thống cung cấp năng lượng, mạng lưới viễn thông).
- *Các chủ đầu tư tìm kiếm hiệu quả* sẽ chú trọng đến chi phí mua sắm các nguồn tài nguyên và tài sản được đề cập ở phần trên, có cân đối với năng suất lao động; các chi phí đầu vào khác như chi phí vận chuyển và thông tin liên lạc đi/ đến hoặc trong nước nhận đầu tư; chi phí mua bán thành phẩm; tham gia các hiệp định hội nhập khu vực tạo thuận lợi cho việc thành lập mạng lưới các doanh nghiệp toàn khu vực.

Thứ ba là các yếu tố tạo thuận lợi trong kinh doanh, bao gồm chính sách xúc tiến đầu tư; các biện pháp ưu đãi, khuyến khích đầu tư; giảm các tiêu cực phí bằng cách giải quyết nạn tham nhũng, cải cách thủ tục hành chính để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý Nhà nước; nâng cao chất lượng các

dịch vụ tiện ích xã hội để đảm bảo chất lượng cuộc sống cho các chủ đầu tư nước ngoài (các trường song ngữ, chất lượng cuộc sống, ...); các dịch vụ hậu đầu tư. Từ lâu các nước nhận đầu tư đã ý thức được tầm quan trọng của các yếu tố này, vì vậy các nước thường tìm cách cải tiến các yếu tố này nhằm tạo thuận lợi nhiều hơn cho các chủ đầu tư.

Bên cạnh cách tiếp cận của UNCTAD, còn có cách tiếp cận khác theo đó môi trường đầu tư bao gồm các yếu tố sau:

- **Môi trường chính trị xã hội :** sự ổn định của chế độ chính trị, quan hệ các đảng phái đối lập và vai trò kinh tế của họ, sự ủng hộ của quần chúng, của các đảng phái, tổ chức xã hội và của quốc tế đối với chính phủ cầm quyền, năng lực điều hành và phẩm chất đạo đức của đội ngũ lãnh đạo đất nước, ý thức dân tộc và tinh thần tiết kiệm của nhân dân, mức độ an toàn và an ninh trật tự xã hội.
- **Môi trường pháp lý và hành chính:** tính đầy đủ và đồng bộ của hệ thống pháp luật; tính rõ ràng, công bằng và ổn định của hệ thống pháp luật; khả năng thực thi pháp luật; khả năng bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư của pháp luật; những ưu đãi và hạn chế dành cho các nhà đầu tư của hệ thống pháp luật; thủ tục hành chính và hải quan.
- **Môi trường kinh tế và tài nguyên:** Chính sách kinh tế; các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội (GDP, GDP/người, GNP); tỷ lệ tiết kiệm quốc gia; các luồng vốn đầu tư cho phát triển; dung lượng thị trường và sức mua của thị trường; tài nguyên thiên nhiên và khả năng khai thác; tính cạnh tranh tổng thể của nền kinh tế; tình hình buôn lậu và khả năng kiểm soát; chính sách bảo hộ thị trường nội địa; hệ thống thông tin kinh tế.
- **Môi trường tài chính:** Các chính sách tài chính (thu chi tài chính, mở tài khoản, vay vốn, lãi suất, chuyển lợi nhuận về nước,...); các chỉ tiêu đánh giá nền tài chính quốc gia (cán cân thương mại quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế, nợ quốc gia, tỷ lệ lạm phát); tỷ giá hối đoái và khả năng điều tiết của Nhà nước; khả năng tự do chuyển đổi của đồng tiền; hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng; hoạt động của thị trường tài chính; hệ thống thuế và lệ phí; khả năng đầu tư tư Chính phủ cho phát triển; giá cả hàng hoá; ...

- **Môi trường cơ sở hạ tầng:** Hệ thống đường sá, cầu cống, sân bay, cảng, ...; mức độ thoả mãn các dịch vụ điện, nước, bưu chính viễn thông, khách sạn, ...; khả năng thuê đất và sở hữu nhà; chi phí thuê đất, đền bù giải toả, thuê nhà; chi phí dịch vụ vận tải, điện, nước, thông tin liên lạc, ...
- **Môi trường lao động:** nguồn lao động và giá cả nhân công lao động; trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân; cường độ lao động và năng suất lao động; tính cần cù và kỷ luật lao động; tình hình đình công, bãi công; hệ thống giáo dục đào tạo; sự hỗ trợ của Chính phủ cho phát triển nguồn nhân lực.
- **Môi trường quốc tế:** quan hệ ngoại giao của chính phủ; quan hệ thương mại, mức độ được hưởng ưu đãi MFN và GSP của các nước này; hợp tác kinh tế quốc tế (tham gia vào các khối kinh tế, diễn đàn kinh tế thế giới); mức độ mở cửa về kinh tế và tài chính với thị trường bên ngoài; ...